

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
1	132234804	NGUYỄN ĐỨC ANH	K15KTR	6		5							4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
2	132234865	VÕ TÂN LINH	K15KTR1	3		3							0	0.0	Không		
3	142234644	BÙI ĐỨC LÂM	K15KTR1	3		3							2	0.0	Không		
4	151214611	NGUYỄN ANH VŨ	K15KTR1	8		5							5	5.5	Năm phẩy Năm		
5	152232023	NGÔ ĐỨC RIN	K15KTR1	7		7							6	6.5	Sáu phẩy Năm		
6	152232799	HUỖNH THỊ CẨM NHUNG	K15KTR1	9		9							8	8.5	Tám phẩy Năm		
7	152232800	NGUYỄN DUY DƯƠNG	K15KTR1	8		7							6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
8	152232804	LÊ QUỐC VIỆT	K15KTR1	9		9							8	8.5	Tám phẩy Năm		
9	152232813	TRƯƠNG HOÀNG QUỐC BẢO	K15KTR1	8		5							6	6.0	Sáu		
10	152232814	NGUYỄN THÀNH NHÂN	K15KTR1	9		7							7	7.3	Bảy phẩy Ba		
11	152232816	KIỀU ĐÌNH HOÀNG	K15KTR1	6		6							5.5	5.7	Năm phẩy Bảy		
12	152232819	TRẦN THỊ NGỌC DIỄM	K15KTR1	9		5							4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
13	152232833	PHAN THANH LONG	K15KTR1	7		8							7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
14	152232836	VÕ THỊ MỸ YÊN	K15KTR1	7		7							5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
15	152232847	PHAN NHƯ THỊNH	K15KTR1	8		3							2	0.0	Không		
16	152232850	MAI TÂN QUÝ	K15KTR1	7		7							5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
17	152232853	ĐỖ DIỆU HẰNG	K15KTR1	8		8							7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
18	152232856	NGUYỄN VĂN THỰC	K15KTR1	9		8							7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
19	152232857	HUỖNH VIỆT HUNG	K15KTR1	7		5							5	5.3	Năm phẩy Ba		
20	152232861	LÊ THỊ KIM PHÚC	K15KTR1	5		5							V	0.0	Không		
21	152232882	NGUYỄN BÁ KHOA	K15KTR1	5		5							4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
22	152232888	TRẦN ĐỨC TRUNG	K15KTR1	7		7							5	5.9	Năm phẩy Chín		
23	152232889	ĐÀO NGỌC QUANG	K15KTR1	7		5							5.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
24	152232893	LẠI TRỌNG NGUYỄN	K15KTR1	10		7							5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
25	152232910	PHẠM VĂN CƯỜNG	K15KTR1	8		6							3	0.0	Không		
26	152232923	VĂN PHÚ HUY	K15KTR1	8		7.5							6	6.8	Sáu phẩy Tám		
27	152232924	PHAN LÊ THỊ HỒNG SIM	K15KTR1	8		7							6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
28	152232925	DƯƠNG CÔNG ĐỊNH	K15KTR1	7		8.5							6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
29	152232928	HÀ XUÂN BÁCH	K15KTR1	8		7							6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
30	152232930	NGUYỄN VIỆT LỘC	K15KTR1	9		8							7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
31	152232932	NGUYỄN SƠN TÙNG	K15KTR1	6		7							V	0.0	Không		
32	152232970	TRƯƠNG QUANG DUY	K15KTR1	6		6.5							V	0.0	Không		
33	152232971	BÙI THANH HẢI	K15KTR1	6		7							4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
34	152232986	NGUYỄN ĐÌNH TRỰC	K15KTR1	8		7							5	6.1	Sáu phẩy Một		

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
35	152233004	TRẦN THỊ LINH	K15KTR1	4		1							V	0.0	Không	
36	152233005	NGUYỄN TẤN HIỀN	K15KTR1	9		7							5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
37	152233012	NGUYỄN ĐÀM HOÀI PHƯƠNG	K15KTR1	3		1							V	0.0	Không	
38	152233013	LÊ AN	K15KTR1	7		7.5							6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
39	152233014	TRẦN PHÚC TOÀN	K15KTR1	10		7.5							6	7.1	Bảy phẩy Một	
40	152233045	LÊ XUÂN THẮNG	K15KTR1	10		7.5							6	7.1	Bảy phẩy Một	
41	152233055	BÙI CHÍ THÀNH	K15KTR1	5		1							1	0.0	Không	
42	152233059	NGUYỄN MINH TRÍ	K15KTR1	5		1							1	0.0	Không	
43	152233061	TRẦN HOÀNG TIẾN	K15KTR1	8		8							6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
44	152233063	NGUYỄN THÀNH MINH	K15KTR1	9		6.5							4	5.5	Năm phẩy Năm	
45	152236458	LÊ MINH TUẤN	K15KTR1	8		7							6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
46	142231424	VÔ HỮU PHƯỚC	K15KTR2	4		4							4	4.0	Bốn	
47	142231439	ĐẶNG TẤT THÀNH	K15KTR2	6		4							4	4.3	Bốn phẩy Ba	
48	152232810	TỪ THỊ LY NA	K15KTR2	7		5							5	5.3	Năm phẩy Ba	
49	152232811	NGUYỄN VĂN QUÝ	K15KTR2	8		6.5							6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
50	152232832	NGUYỄN MINH DƯƠNG	K15KTR2	8		7.5							7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
51	152232834	PHẠM NGỌC TÀI	K15KTR2	8		6.5							6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
52	152232839	ĐẶNG CÔNG THỌ	K15KTR2	8		8							8	8.0	Tám	
53	152232840	BÙI THỊ MỸ	K15KTR2	8		7							7	7.2	Bảy phẩy Hai	
54	152232848	NGUYỄN LÊ CƯỜNG	K15KTR2	7		7							7	7.0	Bảy	
55	152232858	PHÙNG TIÊU PHỤNG	K15KTR2	8		6							6	6.3	Sáu phẩy Ba	
56	152232863	VŨ TRUNG HIẾU	K15KTR2	9.5		6.5							7	7.2	Bảy phẩy Hai	
57	152232865	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	K15KTR2	6		9.5							6	7.1	Bảy phẩy Một	
58	152232866	DƯƠNG THỊ THỦY	K15KTR2	9.5		6							7	7.1	Bảy phẩy Một	
59	152232872	TRẦN VĂN THI	K15KTR2	4.5		5							2.5	0.0	Không	
60	152232874	LÊ TỰ NHẬT QUANG	K15KTR2	5		6							5	5.3	Năm phẩy Ba	
61	152232875	VÔ CẢNH TRÍ	K15KTR2	6		6							6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
62	152232891	NGUYỄN ANH MINH	K15KTR2	4		5.5							V	0.0	Không	
63	152232899	LÊ DUY THÀNH	K15KTR2	7.5		7							6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
64	152232906	VÔ THẾ HẢO	K15KTR2	8		8							6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
65	152232936	LA ĐỨC ANH	K15KTR2	7.5		7							6	6.5	Sáu phẩy Năm	
66	152232939	HOÀNG THỊ DUY DUYÊN	K15KTR2	7		6.5							5.2	5.9	Năm phẩy Chín	
67	152232946	LÊ MINH HẢI	K15KTR2	5		5							V	0.0	Không	
68	152232954	LÊ VĂN TUẤN	K15KTR2	8		6.5							7.4	7.2	Bảy phẩy Hai	
69	152232973	TRẦN KHÁNH LINH	K15KTR2	8		7							7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
70	152232980	NGUYỄN THỊ YẾN	K15KTR2	8		6.5							4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
71	152232992	TRẦN BÁ QUỐC	K15KTR2	8		7							7.2	7.3	Bảy phẩy Ba	
72	152233001	NGUYỄN THỊ ANH	K15KTR2	7		6.5							6.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
73	152233003	HỒ AN BẢO	K15KTR2	7.5		6.5							6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
74	152233010	VĂN THỊ THUỶ	K15KTR2	5		5							V	0.0	Không	
75	152233018	ĐẶNG THANH	K15KTR2	7.5		7							6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
76	152233028	NGUYỄN VĂN LỢI	K15KTR2	7.5		7							6.8	7.0	Bảy	
77	152233032	NGUYỄN THÁI HÙNG	K15KTR2	8		7							6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
78	152233033	THÂN NGỌC LONG	K15KTR2	7		6							5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
79	152233035	ĐẶNG QUANG	K15KTR2	6		5.5							V	0.0	Không	
80	152233043	LÊ THỊ HỒNG	K15KTR2	7		6							7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
81	152233046	TRẦN NGỌC DIỆN	K15KTR2	8		7							6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
82	152233047	TRẦN THẾ VŨ	K15KTR2	7.5		6.5							7.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
83	152233065	PHAN TRẦN ANH	K15KTR2	5		5.5							V	0.0	Không	
84	152235532	NGUYỄN ĐẶNG TUẤN	K15KTR2	6.5		5.5							5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
85	152235538	NGUYỄN NGỌC RIN	K15KTR2	8.5		6.5							7.7	7.5	Bảy phẩy Năm	
86	152235835	NGUYỄN ĐẮC THANH	K15KTR2	6		5.5							5	5.3	Năm phẩy Ba	
87	152236324	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	K15KTR2	6.5		5							V	0.0	Không	
88	132234938	PHẠM VĂN VẤN	K15KTR3	5		5							5	5.0	Năm	
89	142231429	VŨ TRỌNG	K15KTR3	8		7							7	7.2	Bảy phẩy Hai	
90	142231463	NGUYỄN ĐÌNH VẤN	K15KTR3	5		7							5	5.6	Năm phẩy Sáu	
91	142234545	PHAN TRỌNG NGUYỄN	K15KTR3	6		5							5	5.2	Năm phẩy Hai	
92	142234645	HỒ HOÀI LINH	K15KTR3	3		2							V	0.0	Không	
93	142234945	LÊ TUẤN	K15KTR3	6		7.5							7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
94	152232025	PHẠM VĂN SƠN	K15KTR3	7		6							6	6.2	Sáu phẩy Hai	
95	152232802	PHAN HỮU MINH	K15KTR3	8		7.5							7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
96	152232805	LÊ TRỌNG	K15KTR3	8		6							6	6.3	Sáu phẩy Ba	
97	152232807	NGUYỄN VĂN VIỆT	K15KTR3	8		6							6	6.3	Sáu phẩy Ba	
98	152232825	ĐOÀN VĂN HIẾU	K15KTR3	8		4							4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
99	152232826	TRẦN QUANG ĐỊNH	K15KTR3	8		4							4	4.6	Bốn phẩy Sáu	
100	152232828	VÕ XUÂN HÙNG	K15KTR3	7		5							5	5.3	Năm phẩy Ba	
101	152232830	NGUYỄN NGỌC TUYÊN	K15KTR3	5		4							V	0.0	Không	
102	152232835	HUỲNH BÁ DUYÊN	K15KTR3	8		6.5							6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
103	152232844	ĐỖ TRẦN THANH TRÀ	K15KTR3	8		5.5							5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
104	152232849	TRẦN VIỆT LÊ HOÀNG	K15KTR3	8		6							6	6.3	Sáu phẩy Ba	

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
105	152232854	NGUYỄN ĐÌNH PHI		K15KTR3	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai		
106	152232859	LƯU NHẬT TUẤN		K15KTR3	8		5						5	5.5	Năm phẩy Năm		
107	152232862	NGÔ ĐĂNG ĐIỆN		K15KTR3	8		6.5						6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
108	152232864	LÂM XUÂN LĨNH		K15KTR3	5		4						4	4.2	Bốn phẩy Hai		
109	152232876	NGUYỄN DUY THÀNH		K15KTR3	8		8.5						8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
110	152232887	NGUYỄN VŨ NGUYỄN		K15KTR3	4		6.5						6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
111	152232896	LÊ NHẬT		K15KTR3	8		4						4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
112	152232901	TRẦN NHẬT HẢO		K15KTR3	7		8						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
113	152232913	NGUYỄN NGỌC THUYỀN		K15KTR3	7		7						4	5.4	Năm phẩy Bốn		
114	152232915	TRẦN THỊ MAI LI		K15KTR3	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
115	152232921	TÔ NGỌC ANH		K15KTR3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
116	152232934	PHẠM THỊ HỒNG YẾN		K15KTR3	10		8						8	8.3	Tám phẩy Ba		
117	152232937	NGUYỄN MINH TRÌNH		K15KTR3	5		5						V	0.0	Không		
118	152232951	VŨ QUYẾT THẮNG		K15KTR3	9		7						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
119	152232957	TRẦN DUY THANH LONG		K15KTR3	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
120	152232961	TRẦN VĂN TUẤN		K15KTR3	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một		
121	152232983	NGUYỄN NGỌC PHÚC		K15KTR3	10		9						9	9.2	Chín phẩy Hai		
122	152232989	LÊ THỊ ÁI NHUNG		K15KTR3	8		8						6	6.9	Sáu phẩy Chín		
123	152232995	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG		K15KTR3	8		8						5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
124	152232996	NGUYỄN TUẤN ANH		K15KTR3	10		7						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
125	152232998	TRẦN LÊ YẾN PHƯƠNG		K15KTR3	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
126	152233017	PHAN THỊ NGỌC HÒA		K15KTR3	9		7						6	6.8	Sáu phẩy Tám		
127	152233023	TRẦN KHÁNH RIN		K15KTR3	7		6						4	5.1	Năm phẩy Một		
128	152235502	HOÀNG VĂN MẠNH		K15KTR3	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
129	152235536	ĐÌNH NGỌC HIỀN VY		K15KTR3	7		7						5	5.9	Năm phẩy Chín		
130	152236325	TÔ HỮU PHƯỚC		K15KTR3	5		5						7	6.1	Sáu phẩy Một		
131	142231390	NGUYỄN NGỌC DUY		K15KTR4	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
132	152232026	ĐÌNH THỊ HOÀI		K15KTR4	7		6						4	5.1	Năm phẩy Một		
133	152232806	PHẠM VĂN NHẬT ĐẠT		K15KTR4	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai		
134	152232808	DƯƠNG TÙNG		K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
135	152232812	TRẦN ĐỨC DIỆT		K15KTR4	7		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
136	152232817	TRƯƠNG BẢO QUỐC		K15KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
137	152232818	LÊ THỊ MỸ THUẬN		K15KTR4	6		5						V	0.0	Không		
138	152232824	PHAN QUANG VINH		K15KTR4	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
139	152232842	LÊ THỊ THU PHƯƠNG		K15KTR4	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
140	152232843	VÕ HOÀNG CÁT	TIÊN	K15KTR4	6		6						7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
141	152232852	VÕ HOÀNG	LONG	K15KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
142	152232855	TRẦN NGUYỄN TRÂM	ANH	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
143	152232860	NGUYỄN NGỌC	ANH	K15KTR4	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
144	152232877	VÕ THUỶ	NGUYỄN	K15KTR4	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
145	152232884	NGUYỄN CÔNG	CƯỜNG	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
146	152232885	NGUYỄN ĐỨC LÊ THANH SANG		K15KTR4	3		3						V	0.0	Không		
147	152232890	NGUYỄN THỊ THANH	MÙI	K15KTR4	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
148	152232898	VÕ THỊ PHƯƠNG	THANH	K15KTR4	7		7						7	7.0	Bảy		
149	152232904	LÊ VĂN	CHUNG	K15KTR4	7		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
150	152232907	NGUYỄN TRỊNH	NAM	K15KTR4	7		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
151	152232908	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	K15KTR4	6		7						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
152	152232911	NGUYỄN PHƯỚC	DUY	K15KTR4	8		7						5	6.1	Sáu phẩy Một		
153	152232916	TRẦN TRUNG	THIÊN	K15KTR4	8		7						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
154	152232922	LÊ BẢO	LỘC	K15KTR4	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
155	152232941	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	K15KTR4	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai		
156	152232949	ĐỖ THỊ DIỄM	VY	K15KTR4	8		7						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
157	152232956	TỔNG NGỌC	DŨNG	K15KTR4	9		8						7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
158	152232959	HỒ NHƯ	QUỲNH	K15KTR4	9		8						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
159	152232968	PHAN THỊ THANH	TRÀ	K15KTR4	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai		
160	152232972	PHÙNG MINH	SƠN	K15KTR4	8		8						7	7.5	Bảy phẩy Năm		
161	152232975	LÊ THỊ	HUỆ	K15KTR4	10		7						6	6.9	Sáu phẩy Chín		
162	152232993	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	K15KTR4	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
163	152233000	TRẦN THANH	HẢI	K15KTR4	9		8						7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
164	152233020	NGUYỄN NAM	KHÁNH	K15KTR4	8		6						4	5.2	Năm phẩy Hai		
165	152233026	PHAN ANH	HUÂN	K15KTR4	8		8						8	8.0	Tám		
166	152233040	ĐINH KHÁNH	ĐÔNG	K15KTR4	7		7						V	0.0	Không		
167	152233042	LÊ THỊ THUỶ	LINH	K15KTR4	7		7						5	5.9	Năm phẩy Chín		
168	152233058	HOÀNG TRUNG	PHONG	K15KTR4	9		7						4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
169	152233062	HỒ QUỐC	BẢO	K15KTR4	6		8						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
170	152235533	HOÀNG TRỌNG	HUY	K15KTR4	8		7						4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
171	152235537	PHẠM VĂN	THÀNH	K15KTR4	8		7						4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
172	152235837	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	K15KTR4	8		8						6	6.9	Sáu phẩy Chín		
173	152235937	VĂN CÔNG	TẠO	K15KTR4	9		8						5	6.5	Sáu phẩy Năm		
174	132234890	NGUYỄN VĂN	QUẾ	K15KTR5	6		6						4	4.9	Bốn phẩy Chín		

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
175	152232027	TRẦN THỊ THANH	NHÂN	K15KTR5	6		7						8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
176	152232803	TRƯƠNG DUY	TÍN	K15KTR5	6		7						8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
177	152232822	VÀNG ANH	QUỐC	K15KTR5	5		6						4	4.8	Bốn phẩy Tám		
178	152232823	TRẦN VIỆT	ĐẠT	K15KTR5	6		7						8.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
179	152232827	LÊ NGỌC TƯỜNG	NHI	K15KTR5	8		8						8.5	8.3	Tám phẩy Ba		
180	152232837	NGUYỄN VĂN	LỘC	K15KTR5	5		5						3	0.0	Không		
181	152232838	NGUYỄN LÊ	HÂN	K15KTR5	7		7						8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
182	152232845	NGUYỄN VĂN	DUY	K15KTR5	6		7						7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
183	152232851	TRẦN MINH	HOÀNG	K15KTR5	5		5						4	4.5	Bốn phẩy Năm		
184	152232878	LỤC HIẾU	ĐÌNH	K15KTR5	6		7						8	7.4	Bảy phẩy Bốn		
185	152232879	NGUYỄN THẾ	ANH	K15KTR5	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
186	152232880	ĐÀM HOÀNG	HOÀNG	K15KTR5	3		3						V	0.0	Không		
187	152232881	TRƯƠNG ANH	THỨC	K15KTR5	8		8						8	8.0	Tám		
188	152232895	PHAN THANH	NAM	K15KTR5	3		3						V	0.0	Không		
189	152232897	TRƯƠNG THANH	THẢO	K15KTR5	5		6						5	5.3	Năm phẩy Ba		
190	152232900	NGUYỄN HỒNG	THÁI	K15KTR5	6		7						7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
191	152232905	HỒ DUY	NGUYỄN	K15KTR5	7		7						7	7.0	Bảy		
192	152232909	LÊ THỊ TƯỜNG	VI	K15KTR5	6		7						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
193	152232931	DƯƠNG MINH	VŨ	K15KTR5	5		6						3	0.0	Không		
194	152232938	KIỀU QUỐC	QUỲNH	K15KTR5	7		7						7	7.0	Bảy		
195	152232943	LÊ QUỐC	BẢO	K15KTR5	5		5						5	5.0	Năm		
196	152232944	NGUYỄN TỔNG	PHƯƠNG	K15KTR5	3		3						V	0.0	Không		
197	152232945	ĐÀO HẢI	NINH	K15KTR5	4		5						V	0.0	Không		
198	152232948	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	K15KTR5	8		7						5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
199	152232953	LÊ CHIÊU	LINH	K15KTR5	5		4						3	0.0	Không		
200	152232958	PHẠM KHẮC	LONG	K15KTR5	7		6						4.5	5.3	Năm phẩy Ba		
201	152232976	BÙI THỊ DIỄM	MỸ	K15KTR5	8		6.5						5	5.9	Năm phẩy Chín		
202	152232979	HOÀNG ĐÌNH	HÙNG	K15KTR5	6		7.5						8.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
203	152232981	NGUYỄN MINH	TUẤN	K15KTR5	10		8						7	7.8	Bảy phẩy Tám		
204	152232988	NGUYỄN XUÂN	CƯỜNG	K15KTR5	9		7						5	6.2	Sáu phẩy Hai		
205	152232991	HUỲNH RÔ	Y	K15KTR5	5		6						6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
206	152232997	NGUYỄN VĂN	MẠNH	K15KTR5	5		5.5						6	5.7	Năm phẩy Bảy		
207	152232999	BÙI TÁT	THÀNH	K15KTR5	9		8						6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
208	152233007	PHAN NGỌC	SANG	K15KTR5	7		6.5						6	6.3	Sáu phẩy Ba		
209	152233008	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	K15KTR5	4		4						4	4.0	Bốn		

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
210	152233011	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	K15KTR5	7		5.5						4	4.9	Bốn phẩy Chín		
211	152233024	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	K15KTR5	7		6						5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
212	152233038	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	K15KTR5	9		8.5						8	8.3	Tám phẩy Ba		
213	152233044	VÕ NGỌC	ANH	K15KTR5	10		8						6.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
214	152233050	LÊ TÂN	TRÚC	K15KTR5	8		6						4	5.2	Năm phẩy Hai		
215	152233051	NGUYỄN PHAN THÀNH	ĐÔNG	K15KTR5	5		4						V	0.0	Không		
216	132234867	LÊ ĐÌNH	LONG	K15KTR6	6		6						V	0.0	Không		
217	142231407	TRẦN DUY	LINH	K15KTR6	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
218	142231413	NGUYỄN GIANG	NAM	K15KTR6	7		7						6	6.5	Sáu phẩy Năm		
219	142231423	PHẠM ĐÌNH TUẤN	PHI	K15KTR6	7		8						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
220	142231438	TRƯƠNG HỮU	THANH	K15KTR6	7		6						5	5.6	Năm phẩy Sáu		
221	142231447	NGUYỄN NGỌC	TRÍ	K15KTR6	9		9						8	8.5	Tám phẩy Năm		
222	142231459	NGUYỄN NHO THANH	TÙNG	K15KTR6	7		6						6	6.2	Sáu phẩy Hai		
223	142231470	HỒ THỊ THANH	THẢO	K15KTR6	10		6						4	5.5	Năm phẩy Năm		
224	142234547	NGUYỄN THỊ VI	TA	K15KTR6	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
225	142234647	TRẦN DUY	TÂN	K15KTR6	9		5						4	5.1	Năm phẩy Một		
226	142234836	MAI NHỊ	LONG	K15KTR6	5.5		6						4	4.8	Bốn phẩy Tám		
227	152232021	PHAN HOÀNG	HẢI	K15KTR6	7		7						7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
228	152232022	THÁI ANH	QUÝ	K15KTR6	10		9						6	7.5	Bảy phẩy Năm		
229	152232024	NGUYỄN THỊ ĐAN	NA	K15KTR6	9		7						6.5	7.0	Bảy		
230	152232815	TRƯƠNG ĐÌNH THÀNH	TÍN	K15KTR6	9		9						7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
231	152232820	TRẦN BÁ	TRÌNH	K15KTR6	9		8						8	8.2	Tám phẩy Hai		
232	152232829	HỒ ĐỨC NGUYỄN	LONG	K15KTR6	9.5		6.5						6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
233	152232841	TRẦN	THÊM	K15KTR6	9		7						8	7.9	Bảy phẩy Chín		
234	152232846	NGUYỄN VIỆT	ANH	K15KTR6	9.5		9						6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
235	152232870	HỒ THANH	SƠN	K15KTR6	7		8						7	7.3	Bảy phẩy Ba		
236	152232883	NGUYỄN THỊ KIM	PHUƠNG	K15KTR6	9		9.5						8	8.6	Tám phẩy Sáu		
237	152232892	PHẠM BÁ	TRƯỜNG	K15KTR6	8.5		9						6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
238	152232894	ĐOÀN TRUNG	DŨNG	K15KTR6	5		5						5	5.0	Năm		
239	152232920	TRẦN QUANG	TÚ	K15KTR6	8		7						6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
240	152232940	TRẦN THỊ KIM	OANH	K15KTR6	8		7						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
241	152232950	ĐẶNG VĂN	HUỆ	K15KTR6	3		2						V	0.0	Không		
242	152232952	ĐÌNH QUANG	VĂN	K15KTR6	8.5		8						8	8.1	Tám phẩy Một		
243	152232964	TỪ THỊ	DUNG	K15KTR6	8		7						7	7.2	Bảy phẩy Hai		
244	152232966	CHÂU THANH	LONG	K15KTR6	8.5		8						7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
245	152232978	PHAN ĐÌNH PHONG	K15KTR6	8.5		8							8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
246	152232982	NGUYỄN MINH TUẤN	K15KTR6	8.5		7.5							7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
247	152232985	VÕ THANH CẨM	K15KTR6	7.5		6							6	6.2	Sáu phẩy Hai	
248	152233006	NGUYỄN ANH TUẤN	K15KTR6	3		2							HP	0.0	Không	NỢ HP
249	152233029	NGÔ HỮU VŨ	K15KTR6	8.5		8							8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
250	152233031	VÕ QUANG TIẾN	K15KTR6	7		6.5							5.5	6.0	Sáu	
251	152233034	NGUYỄN THANH PHÁP	K15KTR6	3		2							V	0.0	Không	
252	152233037	TRẦN CÔNG HẬU	K15KTR6	7		6.5							7	6.9	Sáu phẩy Chín	
253	152233039	THÂN TRỌNG HUỖNH	K15KTR6	8.5		8.5							8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
254	152233048	VĂN HỮU KHANH	K15KTR6	8		6.5							6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
255	152233056	ĐẶNG VĂN THUẬN	K15KTR6	8		8							7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
256	152233066	TRẦN DUY PHÚC	K15KTR6	8		7.5							7	7.3	Bảy phẩy Ba	
257	152235540	NGUYỄN TẤN DU	K15KTR6	7		6.5							6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
1	0597	PHAN HUY PHUƠNG	K11KTR	5		5							5	5.0	Năm	46469
2	0552	ĐỖ TIẾN CƯỜNG	K12KTR	5		6							6	5.9	Năm phẩy Chín	15310/307
3	0684	LÊ ĐÌNH VÂN	K12KTR	5		5							5	5.0	Năm	47936
4	4686	NGUYỄN HOÀNG LONG	K13KTR	3		2							V	0.0	Không	47384
5	4801	HOỒ TRỌNG ĐỨC	K13KTR	6		7							7	6.9	Sáu phẩy Chín	47545
6	4806	NGUYỄN THẾ ANH	K13KTR	4		4							6	5.1	Năm phẩy Một	47331
7	4862	NGÔ TÙNG LINH	K13KTR	6		7							6	6.3	Sáu phẩy Ba	47546
8	4935	LŨ THANH TÙNG	K13KTR	5		5							4	4.5	Bốn phẩy Năm	47373
9	0544	NGUYỄN NHẬT BÁCH	K13KTR	5		5							4	4.5	Bốn phẩy Năm	50127
10	0581	NGUYỄN HẢI HƯNG	K13KTR	5		5							5	5.0	Năm	15312/307
11	0658	ĐÀO VŨ NGỌC TÚ	K13KTR	5		5							5	5.0	Năm	15530/311
12	4813	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	K13KTR	6		6							5	5.5	Năm phẩy Năm	15510/311
13	4816	ĐỖ TRÍ ĐẠI	K13KTR	3		3							V	0.0	Không	17992/360
14	4825	NGUYỄN THANH DŨNG	K13KTR	5		5							5	5.0	Năm	47340
15	4868	NGUYỄN HOÀNG LONG	K13KTR	3		3							V	0.0	Không	47384
16	4870	NGUYỄN PHƯỚC LONG	K13KTR	5		6							6	5.9	Năm phẩy Chín	16642/333
17	4883	TRẦN THANH PHONG	K13KTR	3		3							3	0.0	Không	17303/347
18	4886	LÊ CÔNG HUÂN	K13KTR	5		5							5	5.0	Năm	16152/317
19	4888	HOÀNG VĂN QUANG	K13KTR	5		5							6	5.6	Năm phẩy Sáu	16645/333
20	4903	PHẠM CÔNG THẮNG	K13KTR	5		6							6	5.9	Năm phẩy Chín	48770
21	4914	HOÀNG THỊ THANH TÂM	K13KTR	5		5							4	4.5	Bốn phẩy Năm	48769
22	4949	BÙI VĂN HIỆU	K13KTR	6		7							4	5.2	Năm phẩy Hai	17307/347

Thời gian : 28/12/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	55%				
23	0538	PHÙNG TUẤN AN	K14KTR	5		6						7	6.4	Sáu phẩy Bốn	29647	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	240	86%	
2	Số sinh viên nợ	40	14%	
TỔNG CỘNG :		280	100%	

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, 12/01/2012
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HUU THANH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ